

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 18/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 26

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật. Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi con thành Phật, trong nước không có tên bất thiện. Tất cả chúng sanh, sanh đến nước con, đều đồng một tâm, trụ vào định tụ. Vĩnh viễn xa lìa nhiệt não, tâm được mát mẻ, thọ nhận an lạc, như tỳ-kheo lậu tận. Nếu khởi tưởng niệm, tham chấp vào thân, thì con không thành Chánh giác.

“Khi con thành Phật, trong nước không có tên bất thiện.”

Đây là nguyện thứ hai mươi tám: nguyện trong nước không có tên bất thiện.

Kinh A-di-đà nói: “Cõi nước của đức Phật ấy, còn không có tên của đường ác, huống là thật có. Những loài chim này, đều do A-di-đà Phật muốn tuyên lưu pháp âm mà biến hóa ra.” Trong nước Cực Lạc, không những không có ba đường ác, mà ngay cả tên cũng không có, huống chi là thật có. Những chim anh vũ, chim khổng tước v.v. này đều do A-di-đà Phật biến hóa mà ra. Đại sư Linh Phong đối với điều này còn giải thích tuyệt vời hơn. Trong Di-đà Yếu Giải nói: Những loài bạch hạc này v.v., không phải là do tội báo sanh ra, nên mỗi tên gọi đều biểu đạt công đức tốt ráo của Như Lai. Cho nên nói, bạch hạc là bạch hạc tốt ráo, đây chẳng phải là mỹ danh của tánh đức đó sao?

Nhân đây biết rằng, mỗi sắc, mỗi hương, mỗi trần, mỗi danh hiệu ở cõi Cực Lạc đều biểu thị cho tánh đức và trung đạo, là toàn thể đại dụng không thể nghĩ bàn của pháp giới. Do đó, mỗi cái tên ở thế giới Cực Lạc đều hiển bày tánh đức của Như Lai.

Trong kinh này nói “không có tên bất thiện”, đây chính là biểu thị không những không có tên của đường ác, mà còn mở rộng ra là không có tên của hết thảy bất thiện. Đại sĩ Long Thọ nói, thế giới Cực Lạc không có tên xấu ác, phụ nữ và đường ác, không có sự quấy nhiễu của những thứ này. Lời giải thích của đại sĩ Long Thọ rất phù hợp với ý nghĩa của kinh này. Hiện nay có đủ loại ác tri thức, họ xuất hiện với bộ mặt của thiện tri thức, họ tự xưng là pháp vương, Phật sống, đủ loại đại pháp sư, nhưng thực chất là ác tri thức, là thuốc giả mạo nhãn hiệu và bao bì của người khác.

Cái khó trong tu đạo hiện nay là làm thế nào phân biệt thiện tri thức và ác tri thức. Cần phải tôn sư trọng đạo, nhưng bạn tôn kính người thầy như thế nào, bạn tôn trọng loại đạo nào? Bạn đạt được một chút tà đạo từ ác tri thức, nếu bạn tôn trọng họ thì cuối cùng bạn sẽ như lời kinh Lăng-nghiêm nói: “Thầy và đệ tử đều bị khép vào vương pháp, chết đọa vào ngục vô gián.” Do đó, thế giới Cực Lạc không có ác tri thức của các cõi. Cõi trời có thiên ma; cõi người thì có kẻ mạo danh tín đồ Phật giáo, lừa đời, làm điều sai quấy; cõi a-tu-la thì có những a-tu-la nhiều loạn chánh giáo; cõi súc sanh thì có chồn lông vàng, nhím, cáo, rắn ở miền Bắc - Trung Quốc; cõi quỷ thì có các loại quỷ thần tà ác. Đương nhiên, người ở cõi địa ngục sẽ không trở thành ác tri thức, bởi vì họ không được tự do.

“Tất cả chúng sanh, sanh đến nước con, đều đồng một tâm, trụ vào định tự.”

Đây là nguyện thứ hai mươi chín: nguyện trụ chánh định tự.

Những người sanh về thế giới Cực Lạc, không những hình mạo giống nhau, đều là 32 tướng đại trượng phu, mà tâm cũng giống nhau, đều an trụ trong chánh định. “Tự” là chỉ cho loại, tức là an trụ trong loại chánh định đó. “Chánh định tự” còn gọi là bất thoái chuyển, chính là A-bệ-bạt-trí. Chúng sanh được chia thành ba loại: chánh định tự, tà định tự, bất định tự.

Có ba cách phân biệt ba loại này:

1. Lấy việc chắc chắn đọa vào lục đạo làm tà định.

Như con người đã ở trong lục đạo, nếu ắt sẽ đọa vào lục đạo thì gọi là tà định. Nếu chắc chắn đạt đến quả bồ-đề thì gọi là chánh định. Ở giữa hai loại này thì gọi là bất định. Nếu phân thành ba loại như vậy thì tà định rất thấp.

2. Lấy việc chắc chắn chứng ngộ làm chánh định.

Chắc chắn không thể chứng ngộ là tà định. Như hiện nay người đi theo những tri thức tà ác này, tu tà pháp của họ, nhập tà định của họ, như vậy làm sao có thể chứng ngộ được? Những điều này đều không thể, cho nên là tà định tụ. Ở giữa hai loại này chính là bất định tụ. Người có duyên thì chắc chắn chứng ngộ, người không có duyên thì không chứng ngộ được.

3. Trong Khởi Tín Luận nói, người chưa đạt đến địa vị Thập tín đều gọi là tà định.

Trong Biệt giáo, từ địa vị Thập trụ trở lên mới là chánh định, đây là chánh định tụ của Đại thừa, chắc chắn sẽ thành công. Ở địa vị Thập tín thì gọi là bất định. Người ở địa vị Thập tín giống như nhành liễu trong gió xuân, lên xuống theo gió, thăng trầm bất định. Do đó, người tu hành không được cho rằng bản thân có trình độ, thực ra trình độ đó chưa chắc sẽ giữ vững được. Người ở địa vị Thập tín còn như nhành liễu lúc lên lúc xuống, hướng chỉ là người chưa đạt đến Tín vị? Do vậy, chúng ta trong đời này nhất định phải quyết đoán rằng, pháp phương tiện thù thắng nhất chính là cầu sanh Tịnh độ. Nhờ vào sức đại nguyện của Phật, mà nhân dân Cực Lạc đều nhập chánh định tụ. Bồ-tát Long Thọ nói, do nhân duyên tin Phật, muốn sanh về Tịnh độ, phát tâm bồ-đề, tu đủ loại công đức, do nhờ nguyện lực của Phật mà hành nhân được vãng sanh, nhờ nguyện lực của Phật gia trì, đều nhập chánh định tụ của Đại thừa. Pháp ngữ của Bồ-tát Long Thọ ở trên đã giải thích ngay vấn đề này.

Ở trên nói, phàm phu vãng sanh Tịnh độ, tuy chưa đoạn hoặc, vẫn còn là phàm phu, nhưng đều nhập chánh định tụ, đều là A-bệ-bạt-trí, điều này khiến người ta kinh ngạc, thế nhưng đại sư Thiện Đạo có lời nói khiến người ta còn kinh ngạc hơn. Đại sư Thiện Đạo khai thị rằng: Nguyện này cũng “có mặt nghĩa bất thoái chuyển ngay trong hiện đời”. Tức là nguyện này cũng bao gồm cả chúng ta, những người tu tập tịnh nghiệp mà chưa vãng sanh. Đại sư Thiện Đạo căn cứ vào phẩm thứ hai mươi hai trong bản dịch thời Đường nói: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc đã sanh, hoặc sẽ sanh, thấy đều trụ trong chánh định tụ, nhất định chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác.” Trong đó, “hoặc sẽ sanh” hiểu như thế nào? Là đáng lẽ vãng sanh, song hiện nay vẫn chưa vãng sanh. Vậy chúng ta có được tính hay không? Hiện nay tuy bạn chưa vãng sanh, vẫn là phàm phu, nhưng dựa vào sức đại nguyện của Di-đà, khi bạn lâm chung cũng sẽ vãng sanh. Hiện bạn ở thế gian đã trụ trong chánh định tụ,

vượt qua địa vị Thập tín, không còn thăng trầm bất định nữa. Như vậy mới gọi là pháp không thể nghĩ bàn, thế nên A-di-đà Phật là bậc đại ân đại đức.

Kinh A-di-đà nói: “Đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, đều được không thoái chuyển nơi Vô thượng chánh đẳng chánh giác.” Chỉ cần đã phát nguyện, đều không thoái chuyển nơi Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đã không thoái chuyển thì chính là chánh định tự. Do vậy, pháp môn Tịnh độ không thể nghĩ bàn là ở chỗ này. Thế nên đại sư Thiện Đạo mới nói, nguyện này cũng có mật nghĩa về sự bất thoái chuyển ngay trong hiện đời. Đây là cách nói không giống với người khác của đại sư Thiện Đạo.

Cho nên đại sư Thiện Đạo là bậc đại đức phi thường, đại sư Liên Trì hết lòng khâm phục ngài. Tương truyền đại sư Thiện Đạo là hóa thân của A-di-đà Phật. Đại sư Liên Trì nói, cho dù không phải là Di-đà hóa thân thì cũng là Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền. Đại sư Thiện Đạo giới hạnh nghiêm tịnh, gặp phụ nữ không bao giờ cười hở răng. Ngài đều dùng toàn bộ tiền để chép kinh, cả đời ngài chỉ dạy người niệm Phật. Khi ấy trong thành Trường An không ai không niệm Phật.

“Vĩnh viễn xa lìa nhiệt não, tâm được mát mẻ, thọ nhận an lạc, như tỳ-kheo lậu tận.”

Đây là nguyện thứ ba mươi: nguyện vui như lậu tận.

Trong tâm thanh mát, vĩnh viễn lìa khỏi khổ não giống như toàn thân bị thiêu, tâm bị đốt cháy. Không những trừ khổ, mà còn thọ nhận niềm vui giống như tỳ-kheo đã đắc lậu tận thông, tức là đã chứng A-la-hán. Trong kinh Pháp Hoa nói: Do có ba khổ nên trong sanh tử chịu nhiều nhiệt não. Trong Đại Trí Độ Luận nói: Khi con người cực kỳ nóng nực, bước vào trong hồ nước mát, bỗng chốc trở nên mát mẻ, không còn nóng bức nữa. Những cách nói này chính là ý nghĩa của “vĩnh viễn xa lìa nhiệt não, tâm được mát mẻ” của nguyện này.

Vãng sanh cõi nước Cực Lạc chính là bước vào hồ nước thanh mát, thân tâm sáng khoái, mọi thứ đều thù thắng, mỹ diệu. Do đó vĩnh viễn lìa nhiệt não, chỉ nhận các niềm vui, niềm vui nhận được “giống như tỳ-kheo lậu tận”. “Lậu” chỉ cho rò rỉ, cũng chính là tên gọi khác của phiền não. Vì có phiền não tồn tại nên tâm của bạn bị nó dẫn dắt, niệm niệm đều ở trong phiền não, niệm này nối tiếp niệm kia, phiền não không dứt. Tâm này chạy theo phiền não, giống như vật dụng bị rò rỉ nước, luôn có

nước chảy ra ngoài, nên gọi là lậu. Sáu cửa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hằng ngày đều tuân phiên nào. Tỳ-kheo đã đoạn hết phiên nào thì không còn phiên nào nữa, gọi là “tỳ-kheo lậu tận”, cũng chính là A-la-hán.

Thông này còn gọi là lậu tận thông. Năm thông đầu như thiên nhãn, thiên nhĩ v.v. là hữu lậu thông. Thông thứ sáu mới là vô lậu thông. Những thông hữu lậu, ngoại đạo tà ma khác cũng có thể đạt được, chỉ trừ lậu tận. Đương nhiên, khi lậu đã tận thì không còn là ngoại đạo nữa, mà là A-la-hán. Do vậy tỳ-kheo lậu tận không còn nhiễm trước, niềm vui này là chân lạc, là pháp lạc của Đại thừa. Cho nên người trong cõi Cực Lạc, tuy có người vẫn là phàm phu song không có nhiệt não, mà mát mẻ an lạc, giống như tỳ-kheo lậu tận. Loại pháp lạc, pháp hỷ này, hết thấy niềm vui của thế gian đều không thể sánh, ngay cả một phần vạn cũng không đạt được.

“Nếu khởi tưởng niệm, tham chấp vào thân, thì con không thành Chánh giác.”

Đây là nguyện thứ ba mươi mốt: nguyện không tham chấp thân.

Người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, nếu khởi tâm động niệm, tham cầu lưu luyến chấp trước so đo sắc thân của mình thì con không thành Phật. Nguyện này chính là liều thuốc hay phá trừ thân kiến. Thân kiến là thứ đầu tiên của kiến hoặc, nhiều người tu hành là ngoại đạo dựa hơi Phật pháp, mang danh là Phật tử, nhưng lại có tư tưởng ngoại đạo, họ có thân kiến nghiêm trọng. Tuy họ cũng niệm Phật tụng kinh, nhưng trong tâm vẫn lưu luyến thân thể của mình, toan tính cho thân thể. Mỗi ngày nghĩ xem ăn gì, luyện tập gì, nghiên cứu đủ loại thuật dưỡng sinh, làm thế nào giữ gìn thân thể được tốt, tu luyện tốt; hoặc muốn nhục thân ở thế gian sống lâu hơn một chút, tốt nhất là trường sinh bất lão; hoặc tu để có thân thể mới, trở thành Kim tiên. Tất cả những điều này đều là tham chấp vào thân mình, chấp trước có một thân thể của “ta” mà tham cầu so đo. Hiện nay chúng ta phải làm từ hai phía: một là phải đoạn thân kiến; hai là phải đoạn nghi. Nếu bạn không thể đoạn nghi thì không thể tiếp nhận giáo lý Viên đốn.

Trong Hội Sớ nói: Vì chấp trước sai lầm vào thân thể của mình nên xuất hiện những phân biệt như: yêu, ghét, thuận, nghịch. Trong Vãng Sanh Luận nói: Nếu một người cứ luôn cung phụng, cung kính thân tâm của mình thì sẽ chướng ngại tâm bồ đề. Cứ muốn bảo vệ thân thể, nói cách khác chính là chấp ngã. Hành giả Đại thừa thì phải phá trừ “ngã”, phải đạt đến “vô ngã”. Tham chấp thân tâm thì mâu thuẫn với

vô ngã. Kinh Kim Cang nói: “Nếu người thông đạt pháp vô ngã thì gọi là Bồ-tát.” Thế nên trước tiên phải trừ ngã nhân, sau đó trừ ngã pháp, người ở thế giới Cực Lạc đều không có ý niệm tham chấp vào thân mình.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi con thành Phật, người sanh đến nước con, có vô lượng thiện căn, đều được thân kim cang Na-la-diên, sức mạnh vững chắc. Trên thân và đỉnh đầu đều có quang minh chiếu diệu, thành tựu hết thảy trí tuệ, đạt được vô biên biện tài. Khéo bàn các pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, tiếng như chuông vang, nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.

Đoạn kinh văn này có ba nguyện.

Hai câu đầu “người sanh đến nước con, có vô lượng thiện căn” là điểm chung của ba nguyện, nên được thuật chung ở phía trước. Thiện căn là sự hành thiện từ ba trên phương diện: thân, khẩu, ý, vô cùng kiên cố, không thể nhỏ bớt, lại do hành thiện có thể sanh ra các quả thiện khác nên gọi là “căn”.

Mời xem năm câu kinh văn đầu:

“Khi con thành Phật, người sanh đến nước con, có vô lượng thiện căn, đều được thân kim cang Na-la-diên, sức mạnh vững chắc.”

Đây là nguyện thứ ba mươi hai: nguyện thân Na-la-diên.

Người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đều được thân kim cang Na-la-diên, có sức mạnh cực kỳ kiên cường và vững chắc.

“Kim cang”, tiếng Phạn là Vajra, nó là vật báu cứng chắc nhất trong số kim loại, có màu sắc tím, có thể cắt được ngọc. Nó là đá kim cang có xuất xứ từ Ấn Độ, thường gọi là kim cương. Độ cứng cao nhất, có thể cắt được kính. Kim cang còn là tên gọi tắt của chùy kim cang. Chùy kim cang vốn là một loại vũ khí của Ấn Độ, Mật tông dùng nó để biểu thị cho trí tuệ sắc bén và kiên cố.

Vì vậy trong Đại Nhật Kinh Sớ nói, chùy kim cang là “ấn trí tuệ kim cang của Như Lai”. Do đó, then chốt của việc học Phật của chúng ta là trí tuệ. Có người chỉ cầu thiền định, thần thông, những thứ này đều không rốt ráo, thành Phật quan trọng nhất là trí tuệ. Tông Duy thức, sau cùng là chuyển tám thức thành bốn trí, có thể chuyển tám thức thành bốn trí là thành công. Do đó, thành công là vì có trí tuệ. Ba

đức của niết-bàn là: pháp thân, bát-nhã, giải thoát. Nhờ trí tuệ mới hiển hiện được pháp thân vốn có, nhờ trí tuệ mới có thể đoạn hết phiền não vọng tưởng, đạt đến giải thoát. Trong Nhân Vương Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ của Mật giáo nói, tay cầm chuỗi kim cang biểu thị hành giả đã phát khởi chánh trí, trí tuệ này giống như kim cang, có thể phá hết tất cả, nhưng không bị hết thảy phá hoại.

“Na-la-diên” dịch là sức mạnh thù thắng hoặc vững chắc, nó có bốn hàm nghĩa:

1. Là một danh hiệu khác của Phạm thiên vương;
2. Là biệt danh của Thiên Lục Sĩ;
3. Na-la-diên thiên có ba mặt, cưỡi chim, biểu thị bay lên không trung, là hóa thân của Phật;
4. Na-la-diên Kim Cang là một trong mười chín vị cầm chuỗi kim cang, kinh Duy-ma-cát gọi là Bồ-tát Na-la-diên.

Thân và tâm có mối quan hệ nhất định. Ví dụ nhục thân xá-lợi của Lục tổ, năm xưa bị hồng tiểu binh đập nát, một vị thiền sư đã mạo hiểm tính mạng, chôn những mảnh xương vụn đó, nhục thân xá-lợi hiện nay đã được phục hồi. Vị thiền sư đó đã đích thân nói với Hoàng Niệm lão rằng, xương nhục thân xá-lợi của Lục tổ đều có màu vàng kim. Từ các kinh luận Hiển giáo ở trên có thể biết, “kim cang Na-la-diên” trong lời nguyện chỉ cho lục sĩ Na-la-diên của cõi trời, tay cầm chuỗi kim cang, có thân kim cang và sức mạnh kiên cố.

Còn trong Mật giáo, chấp kim cang, kim cang thủ, kim cang tát-đỏa là những cách phiên dịch khác nhau của cùng một tên gọi. Theo trong Nhân Vương Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ nói, Bồ-tát Kim Cang Thủ chính là Bồ-tát Phổ Hiền. Trong kinh Đại Uy Nộ Vương Bí Mật Đà-la-ni nói: Kim Cang Thủ là vị đại sĩ chứng pháp thân, Hiển giáo gọi là Bồ-tát, Mật giáo gọi là Kim Cang. Theo nghĩa của Mật giáo, Kim Cang chính là vị Phật hiện tướng uy mãnh, lại còn chỉ cho ngài Phổ Hiền, Phổ Hiền ở đây là chỉ cho quả vị, gọi là Phổ Hiền Vương Như Lai, do đó không thể xem là hộ pháp được.

Kim Cang Thủ là vị Phật cầm chuỗi kim cang, “chủ” ở đây là biểu pháp, được cấu thành từ năm loại trí. Bốn trí của Mật giáo cộng với pháp giới thể tánh trí, trở thành năm trí.

Bốn trí là: đại viên kính trí, bình đẳng tánh trí, diệu quan sát trí, thành sở tác trí.

Chùy kim cang thông thường có năm phần, biểu thị do năm trí cấu thành. Chùy kim cang được cầm trong tay là do năm trí cấu thành, vậy thân Na-la-diên ắt là thể của trí tuệ, cũng tức là thể kim cang, thường gọi là thân kim cang. Kinh Mật Tích Lực Sĩ nói: Thân Như Lai là thể bất hoại, bền vững chắc, không thể phá hoại. Kinh Niết-bàn nói: “Thân Như Lai là thân thường trụ, thân chẳng thể hoại, thân kim cang.” Cho nên, người vãng sanh nhờ nguyện lực của Phật gia bị, đều được thân kim cang bất hoại, sống lâu tự tại, lại có sức mạnh kiên cố.

Mời xem ba câu kinh văn giữa:

“Trên thân và đỉnh đầu đều có quang minh chiếu diệu, thành tựu hết thấy trí tuệ, đạt được vô biên biện tài.”

Đây là nguyện thứ ba mươi ba: nguyện có quang minh, trí tuệ, biện tài.

Người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đỉnh đầu có hào quang tròn, thân có thân quang, đều là thường quang, đều sáng ngời tinh khiết, chiếu sáng rực rỡ. Vì quang minh từ đại trí tuệ phát ra, nên ai ai cũng có quang minh là do mọi người đều đã khai mở một chút trí tuệ. Nhờ có trí tuệ thù thắng vô thượng nên ai ai cũng có biện tài vô biên, tuyên diễn pháp âm. Bởi vì Phật là vô lượng quang, nên người vãng sanh, thân và đỉnh đầu có quang minh chiếu diệu. Tự mình phát sáng gọi là “quang”, có thể chiếu vật gọi là “minh”.

Theo trong kinh Siêu Nhật Minh Tam-muội nói: Đại trí tuệ bên trong phát lộ ra ngoài, có thể chiếu pháp giới, gọi là “quang minh”. Cho nên quang minh chính là tác dụng của trí tuệ. Trong kinh Niết-bàn nói: Quang minh gọi là trí tuệ. Hai thứ quang minh và trí tuệ chính là một thể. Ở thế giới Cực Lạc, thân và đỉnh đầu của mỗi người đều có quang minh. Do đó mỗi người đều đã thành tựu hết thấy trí tuệ.

Đại sư Đàm Loan trong bài kệ Vô Lượng Quang Phật nói: “Trí tuệ quang minh chẳng thể lường, nên Phật lại có hiệu Vô Lượng Quang, các tướng hữu lượng nhờ quang chiếu nên được hiểu, do vậy danh lễ đáng Chân Thật Minh.” Phật quang là quang minh chân thật, cùng với ba thứ chân thật trong kinh này là một thể. Chỉ thẳng quang minh chân thật chính là trí tuệ chân thật, trí tuệ và quang minh là không hai. Do đó, quang minh này có thể chỉ bày khai sáng cho hết thấy các tướng hữu tình

và vô tình. “Thần quang lìa tướng”, “nhờ quang minh mà thành Phật” trong bài kệ tán thán Giải Thoát Quang và “quang minh thanh tịnh không gì sánh” trong bài kệ tán thán Vô Đẳng Quang, đều hoàn toàn chứng thực quang minh chính là trí tuệ, cho nên lìa tướng và không gì có thể sánh, toàn bộ thể là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Điều này mới có thể khiến các đại Bồ-tát nhờ quang minh khai sáng mà thành tựu đại giác, thế nên nói rằng “nhờ quang minh mà thành Phật”.

Thiền sư Đại Huệ nói: “Chỉ nhờ quang này tuyên diệu pháp, pháp đó chính là quang minh này, không lìa quang đó mà nói pháp này.” Trong kinh Niết-bàn nói, quang minh chính là trí tuệ, người vắng sanh thân và đánh đều có thường quang, thể hiện trí tuệ đã thành tựu. Lại nhờ sự gia trì thù thắng từ diệu quang của Phật Vô Lượng Quang, khiến người vắng sanh nhờ quang minh mà thành Phật, cho nên đều có thể thành tựu hết thấy trí tuệ, có thể khế ngộ và thấu tỏ năm loại trí tuệ thù thắng được nói trong kinh này, gồm: Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đều có thể thành tựu hết thấy trí tuệ, thể hiện ra ở nước Cực Lạc, nhân quả là đồng thời, không thể nghĩ bàn. Hơn nữa, người vắng sanh đều được biện tài vô biên, biện tài vô ngại. Biện tài chính là tài năng thuyết pháp khéo léo. Biện tài thuyết pháp của Bồ-tát còn gọi là tứ vô ngại biện. Bốn loại vô ngại còn được gọi là bốn trí tuệ vô ngại. Người vắng sanh, vì đã thành tựu tất cả trí tuệ nên tự nhiên sanh ra vô biên biện tài, biện tài là từ trí tuệ mà có.

Bốn vô ngại bao gồm:

1. Pháp vô ngại: Đối với danh, tướng, câu chữ trong giáo pháp đều không bị chướng ngại, đều có thể biểu đạt rất rõ ràng.

2. Nghĩa vô ngại: Đối với nghĩa lý chân thật mà giáo pháp biểu đạt đều có thể thông đạt, không có trở ngại, gọi là nghĩa vô ngại.

3. Từ vô ngại: Các loại văn từ, phương ngữ trong và ngoài nước đều có thể thông đạt, vận dụng tự tại, đây là từ vô ngại.

4. Nhạo thuyết vô ngại: Do có ba loại trí tuệ trên nên vui vẻ thuyết pháp cho chúng sanh, lời nói khế hợp với chánh lý, tự tại diễn nói nghĩa chân thật của Như Lai, không có chướng ngại, cũng gọi là biện vô ngại. Nhân dân Cực Lạc đều có thể dùng tứ vô ngại biện để tuyên giảng pháp yếu.

Mời xem năm câu kinh văn cuối:

“Khéo bàn các pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, tiếng như chuông vang, nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.”

Đây là nguyện thứ ba mươi bốn: nguyện khéo bàn các pháp bí yếu.

Người vãng sanh đều khéo luận đàm chỗ thâm mật, chỗ quan trọng của các pháp hiển và mật. Người thông thường chỉ có thể bàn về cảnh lá, làm ra vẻ hình thức bên ngoài, đối với nghĩa lý tương đối sâu thì bản thân người giảng cũng không hiểu. Khi thuyết kinh và hành đạo, tiếng vang như chuông lớn, từng chữ từng câu như tiếng chuông vang trong đêm tĩnh mịch, phá tan mê muội, thức tỉnh tâm giác. Kinh hành là vừa đi vừa tụng niệm.

Hai câu cuối là: Nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác. Hai câu này cũng áp dụng cho hai nguyện trên.

“Các pháp bí yếu”, “bí” là bí ẩn, chỉ cho sự sâu mầu của pháp môn; cũng là bí mật, chỉ cho pháp môn ẩn sâu, không dễ biểu đạt. Trong Pháp Hoa Văn Cú nói: Thích-ca Mâu-ni Phật hơn bốn mươi năm, giữ thật pháp Nhất thừa trong tâm mà không nói ra, người khác không biết, nên đây là “mật”. Khi Phật nói kinh Pháp Hoa, năm ngàn người lui ra. Do vậy, những đạo lý thâm mật, người thông thường không dễ tin, nói ra cũng không dễ hiểu. Trong Pháp Hoa Văn Cú nói: Tam thừa gồm Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát là quyền pháp. Pháp Hoa là khai quyền hiển thật, bản thân không vòng vo nữa, mà trực tiếp nói pháp Nhất thừa để hết thấy đều thành Phật, đây là thật pháp, hiển bày viên ngọc sáng ẩn giấu trong chiếc áo rách dơ bẩn. Tám vạn bốn ngàn pháp tu hành, không pháp nào không từ môn này mà vào, đây chính là “yếu”, tức là quan trọng, yếu lược, giản yếu, v.v.. Mật giáo nói, Phật pháp càng sâu xa thì ngược lại càng giản dị. Tịnh độ tông cực kỳ giản dị, chỉ là một câu A-di-đà Phật.

“Tiếng như chuông vang”, trong đêm khuya, tiếng chuông vang lên, đột nhiên mọi lo toan thế tục đều tan biến, tất cả đều thanh tịnh. Trong Phật Tổ Thống Kỷ nói, khi người sắp mệnh chung, nghe đến tiếng chuông khánh, có thể làm tăng chánh niệm của họ. Trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Khi gõ chuông, các khổ của hết thấy đường ác đều được dừng lại. Như khi chuông đang vang, trong địa ngục cũng phải

dùng việc hành hình, tội nhân có thể tạm nghỉ, đây là biểu thị tác dụng của tiếng chuông.

“Tiếng như chuông vang”, một mặt biểu thị cho âm thanh của người thuyết pháp, giống như hồng chung, rất vang, rất chánh, rất tĩnh, có thể ngân dài, có thể nghe xa, có thể thức tỉnh sự mê muội của người, khơi dậy tâm thiện.

“Tiếng như chuông vang” đồng thời cũng biểu thị công đức của âm thanh thuyết pháp giống như tiếng chuông vậy. Ở đây mở rộng một chút, trên chuông đều có rất nhiều kinh chú, chuông chùa Đại Chung, thân chuông là một bộ kinh Hoa Nghiêm, trên miệng chuông là một bộ kinh Kim Cang, còn có rất nhiều chú, chữ viết, vì vậy bạn gõ nó một tiếng thì tất cả kinh, chú, chữ viết này đều đang chấn động, đều đang phát ra âm thanh. Trong tiếng này bao gồm vô biên công đức của kinh Hoa Nghiêm, kinh Kim Cang và nhiều chú ngữ. Người thuyết pháp ở thế giới Cực Lạc, cũng giống như chiếc chuông này, một chữ bao gồm hết tất cả công đức của kinh Hoa Nghiêm, kinh Kim Cang v.v., người nghe nghe được một tiếng cũng như nghe âm thanh của nhiều kinh chú vậy.

Bốn bài kệ tụng.

(1)

Mỗi người đều có chùy kim cang
Xem bạn có biết dùng hay không
Biết dùng thì chém yêu hàng ma
Không biết, quý quái thường gần gũi.

(2)

Nếu như bạn thật tâm niệm Phật
Thân đánh đều có quang minh chiếu
Quang minh vừa chiếu, sanh trí tuệ
Làm gì có chuyện bị gạt lừa.

(3)

Trí tuệ, quang minh vốn không hai
Bổ trợ cho nhau được biện tài
Các pháp bí yếu, bạn khéo giảng

Thuyết kinh hành đạo, chẳng ngại từ.

(4)

Lời như chuông vang tuyên đại pháp

Đệ tử Phật-đà phải đảm đương

Gia nghiệp Như Lai chung tay giữ

Báo thâm ân Phật, ấm lòng thầy.

Hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.